

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi

Con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Quyền

Bà Nguyễn Thị Hương

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Dương Xuân Tú, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:*

Bà Lê Thu Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Y, sinh năm: 1995, vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số C, đường Đ, khu N, thành phố C, Đài Loan.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm: 1991, vắng mặt.

Trú tại: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2023, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Y trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tháng 5/2021, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó đến nay chị chưa về Việt Nam lần nào, vợ chồng sống ly thân. Do khoảng cách địa lý dẫn đến

vợ chồng ít nói chuyện với nhau, những bất đồng, mâu thuẫn trước đó không thể giải quyết được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T.

2. Về con: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 14/10/2017 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 01/3/2019. Ly hôn chị đề nghị giao cả hai cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Mạnh T trình bày:*

1. Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng mâu thuẫn cũng như thời gian chị Y đi Đài Loan như chị Y trình bày trên là đúng. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn chị Phạm Thị Y.

2. Về con: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 14/10/2017 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11/3/2019. Ly hôn anh đề nghị giao cả hai cháu cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu chị Y cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Y, xử cho chị Y được ly hôn anh T. Về con: giao 02 cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình. Chị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị Phạm Thị Y là nguyên đơn đang sinh sống tại Đài Loan. Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh T trú tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Do trong vụ án có nguyên đơn cư trú ở nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Phạm Thị Y và bị đơn là anh Nguyễn Mạnh T có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn

cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Mạnh T đều thừa nhận anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Y được ly hôn anh T.

[2.2]. Về con: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị giao cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 14/10/2017 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 01/3/2019 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Chị Y và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị Y là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Y.

- Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T.

- Về con: Công nhận cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 14/10/2017 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 01/3/2019 là con chung của chị Y và anh T. Công nhận sự thỏa thuận của anh chị giao cả hai cháu Q và K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Phạm Thị Y có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo Biên lai thu số

0000352 ngày 21/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị Y đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Mạnh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Hà Lai, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP; - Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa GD & NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy